

Bản án số: 08/2017/DSST
Ngày: 26/4/2017

Vụ án ‘Tranh chấp HĐVTS’

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Minh Hiền.

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Đình Ghi

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phước An, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2014/TCDS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2014 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 10/4/2017, giữa các bên đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971, trú tại: 10/35 đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Y, trú tại: 24 đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y: Luật sư Đặng Thị Ngọc A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Thanh D, trú tại: 10/35 đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn Ngọc L, trú tại: 24 đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2014 và theo các tài liệu khác nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào ngày 17/6/2013 bà Nguyễn Thị Thanh

Y vay của bà H 400 triệu đồng, đến ngày 19/6/2013 vay tiếp 90 triệu đồng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và có thỏa thuận miêng lãi suất 10,5%/năm. Tuy nhiên, sau đó do bà Y không trả lãi và gốc theo thỏa thuận nên bà H đã gửi đơn đến Công an thành phố Huế yêu cầu giải quyết. Tại Cơ quan Công an bà Y hứa bán nhà để giải quyết. Theo hướng dẫn của Công an thành phố Huế tại Công văn số 504/CQCSĐT-KT bà H đã làm đơn khởi kiện, khởi kiện ra trước Tòa án yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Y phải thanh toán số nợ gốc 490.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Ông Trần Thanh D thống nhất như lời khai của bà Trần Thị Thu Y.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình phía nguyên đơn đã xuất trình văn bản với nội dung “Y có mượn H 400.000.000 đồng” đề ngày 17/6/2013 và “Y mượn H 90.000.000 đồng” đề ngày 19/6/2013 và đều có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thanh Y.

Bà Nguyễn Thị Thanh Y trình bày: Thừa nhận có vay của bà H hai lần tổng cộng 490 triệu đồng vào ngày 17/6/2013 và này 19/6/2013, khi vay thỏa thuận bà Y không phải trả lãi và khi nào có điều kiện thì trả lại số nợ gốc cho bà H nên việc bà H yêu cầu bà phải trả nợ gốc và tiền lãi theo qui định của pháp luật thì không đúng với thỏa thuận ban đầu. Tại Tòa án bà Y xuất trình chứng cứ là Phiếu hạch toán ngày 3/8/2013 của Ngân hàng Vietcombank và Bản sao kê tài khoản của bà Y ngày 3/8/2013 thể hiện bà Y đã chuyển trả cho bà H số tiền 223.800.000 đồng. Bà Y cho rằng đây là khoản tiền bà trả nợ cho bà H đối với món vay 490 triệu đồng, Do đó, bà chỉ còn nợ bà H số tiền còn lại là 226.800.000 đồng. Nay bà H đòi nợ thì bà hứa sẽ thanh toán sau khi bán được nhà.

Đối với ông Nguyễn Ngọc L: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo hòa giải hợp lệ nhưng L vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ 02 lần nhưng ông L vẫn không đến nên xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá đại diện viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Thụ lý đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, phiên tòa bị hoãn nhiều lần và có vi phạm về thời hạn hoãn phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 475 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, xử buộc bà Nguyễn Thị Thanh Y phải thanh toán số tiền gốc 490.000.000 đồng, tiền lãi 136.587.000 đồng, tổng cộng: 626.587.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y, bà Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thanh Y có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH E đến tham gia tố tụng tại phiên tòa để làm rõ một số nội dung liên quan đến việc chuyển tiền.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thanh Y về việc đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 223.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo văn bản mượn tiền đề ngày 17/6/2013 và ngày 19/6/2013 thì bà Nguyễn Thị Thanh Y đã vay của bà Nguyễn Thị Thu H hai lần với số tiền 490 triệu đồng, trong văn bản này hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất. Văn bản này được bà Y viết, ký tên và bà cũng đã thừa nhận đã vay của bà H số tiền 490 triệu đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bà Nguyễn Thị Thanh Y đã vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 490 triệu đồng. Tuy nhiên, bà Y cho rằng bà đã chuyển trả cho bà H số tiền 223.800.000 đồng (chuyển khoản theo Phiếu hạch toán ngày 3/8/2013 của Ngân hàng Vietcombank và Bản sao kê tài khoản của bà Y ngày 3/8/2013) nên bà chỉ còn nợ bà H số tiền là 226.800.000 đồng. Liên quan đến việc chuyển tiền giữa hai bên phía nguyên đơn thừa nhận là có thật. Tuy nhiên, phía nguyên đơn cho rằng khoản tiền 223.800.00 đồng (giao dịch v601.0025) mà phía bà H đã chuyển cho bà Y vào ngày 03/8/2013 không liên quan đến khoản nợ 490.000.0000 đồng. Bởi lẽ, bà Y đã dùng chính số tiền 223.789.867 đồng mà Công ty TNHH E đã chuyển cho bà Y liền trước đó (giao dịch V601.00024) với diễn giải “chuyển tiền vay theo thỏa thuận ngày 02/7/2013...”. Thực tế, hai khoản tiền này là một, được giao dịch qua tài khoản của bà Y theo trình tự: Công ty TNHH E chuyển vào tài khoản bà Y, sau đó bà Y chuyển trả lại cho bà H để trả lại tiền bà H đã ứng vốn. Vì thực tế, bà H là người ứng tiền cho Công ty TNHH E, sau đó qua tài khoản trung gian của bà Y để thực hiện việc chuyển trả lại tiền cho bà H đã ứng trước.

Xét lời trình bày của ông D và bà H là có căn cứ, bởi lẽ: Giữa Công ty TNHH E và bà Nguyễn Thị Thu H có sự việc bà H cho Công ty TNHH E ứng vốn (thể hiện tại bản sao kê tài khoản ngày 29/5/2013 bà H đã ứng vốn cho Công ty TNHH E 736 triệu đồng) hoặc thể hiện qua việc Công ty TNHH E nhiều lần chuyển trả tiền vay cộng lãi suất cho bà H (thể hiện qua các bản sao kê tài khoản của bà H). Mặt khác, tại nhiều chứng từ giao dịch và lời khai của người làm chứng (bà Tôn Nữ Thảo Quỳnh N – Kế toán trưởng và bà Phan Cao Minh C – Kế toán của Công ty TNHH E) đều thể hiện tài khoản của bà Y chỉ là tài khoản trung gian, sử dụng nhằm mục đích trung chuyển tiền vay và tiền trả nợ vay giữa bà H và Công ty TNHH E vì vào thời điểm đó bà Y được giao nhiệm vụ thực hiện một số giao dịch liên quan đến tài chính. Tại một số bản sao kê tài khoản cũng cho thấy nhiều lần bà Y chuyển tiền cho bà H theo trình tự trên, chứ không phải chỉ một lần vào ngày 03/8/2013 (chẳng hạn ngày 04/6/2013 chuyển 419.742.000 đồng – BL 78, ngày 29/6/2013 chuyển

570.800.000đồng – BL 890). Như vậy, sự việc bà Y chuyển tiền cho bà H theo dạng giao dịch trên đã được lặp lại nhiều lần trước đó và không liên quan đến vay nợ riêng giữa hai bên. Mặt khác, tại bản sao kê tài khoản ngày 3/8/2013 chỉ thể hiện Nguyễn Thị Thanh Y chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thu H mà không thể hiện được chuyển trả cho khoản nợ 490.000.000 đồng và bà Y cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh đó là khoản tiền trả nợ. Hơn nữa, vào ngày 19/6/2013 bà Y vay bà H 90 triệu đồng và ngày sau đó ngày 29/6/2013 thể hiện bà Y chuyển cho bà H 570 triệu đồng (sao kê tài khoản của bà H ngày 29/6/2013 tại ngân hàng Maritime bank – BL 89). Điều này càng khẳng định việc chuyển tiền từ bà Y qua bà H không liên quan đến khoản nợ riêng mà cho thấy việc bà Y chuyển tiền cho bà H chỉ là việc chuyển trả vốn ứng của Công ty TNHH E cho bà H. Do đó, khoản tiền 223.800.000 đồng mà bà Y đã chuyển cho bà H không liên quan đến khoản tiền vay 490 triệu đồng. Tổng hợp các yếu tố trên cho thấy không có cơ sở để chấp nhận khai nại của bà Y về việc đã thanh toán cho bà H số tiền 223.800.000 đồng.

Về lãi suất: Vì đòi nợ nhiều lần mà bà Y không trả nên ngày 14/01/2014 bà H đã làm đơn khiếu nại đến Công an thành phố Huế và ngày 10/3/2014 Cơ quan công an đã có văn bản trả lời. Do đó, cần xem ngày 10/3/2014 là thời điểm phía nguyên đơn đòi lại tài sản, tức là thời điểm yêu cầu trả nợ (được xem như thời điểm đến hạn). Phía nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận mức lãi suất 10,5%/năm nhưng không có chứng cứ chứng minh nên cần xem đây là trường hợp vay không có lãi và do hai bên không ghi thời hạn vay trong giấy mượn tiền nên trường hợp này thuộc trường hợp vay không có kỳ hạn và không có lãi suất. Do đó phải áp dụng khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc phía bị đơn phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố (9%/năm) từ thời điểm đến hạn là ngày 10/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày thụ lý vụ án nên cần chấp nhận. Cụ thể như sau:

* Từ ngày 21/03/2014 đến 26/04/2017 (03 năm 01 tháng 04 ngày):

$(9\% \times 490.000.000\text{đ}) \times 03 \text{ năm} + (9\%/12 \text{ tháng} \times 490.000.000 \text{ đồng}) \times 01 \text{ tháng} + (9\%/12 \text{ tháng}/30 \times 490.000.000 \text{ đồng}) \times 05 \text{ ngày} = 136.587.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là:

$490.000.000 \text{ đồng} + 136.587.000 \text{ đồng} = 626.587.000 \text{ đồng}.$

Do ông Nguyễn Ngọc L không biết việc bà Y vay tiền của bà H và bà Y sử dụng số tiền này vào việc riêng của mình nên bà Nguyễn Thị Thanh Y phải thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh D số tiền gốc và lãi nêu trên.

Đối với yêu cầu của luật sư xét thấy rằng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân bà H và bà Y không liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH E. Việc chuyển tiền giữa bà Y và bà H đã được thể hiện rõ ràng qua các chứng từ kế toán có hiệu lực được thu thập trong hồ sơ vụ án và không ảnh hưởng

đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty E. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai người làm chứng là kế toán của Công ty để làm rõ một số nội dung liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của luật sư.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Y phải chịu trên tổng số nợ gốc và nợ lãi phải thanh toán, cụ thể: $(20.000.000 \text{ đồng} + 226.587.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 29.063.480 \text{ đồng}$, đồng thời phải chịu án phí 5% trên tổng số tiền không được chấp nhận: $223.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.190.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là: 40.253.480 đồng nhưng được khấu trừ 5.595.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008551 ngày 16/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế nên còn phải nộp 34.658.480 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Y phải thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Thanh D số nợ gốc 490.000.000 đồng và tiền lãi 136.587.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là **626.587.000** đồng.

*Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Y phải chịu 40.253.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 5.595.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008551 ngày 16/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế nên còn phải nộp **34.658.480** đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 12.570.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006999 ngày 21/3/2014 của Chi cục thi hành án thành phố Huế.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi suất chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Minh Hiền